

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HS-ST

Ngày: 03/02/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Phường.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Hiến và ông Nguyễn Tuấn Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thống Nhất - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03/01/2023 và ngày 03/02/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 62/2022/TLST-HS ngày 25/11/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 69/2022/QĐXXST-HS ngày 16/12/2022, đối với bị cáo:

- Nguyễn Thành L, sinh năm 1993 tại Đồng Tháp; Đăng ký HKTT: Số 144/3 đường N, tổ 54, khóm 4, phường 2, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Cha tên: Nguyễn Văn T, sinh năm 1964 (Chết); Mẹ tên: Nguyễn Thị H, sinh năm: 1963 (Chết); Vợ và con: Không; Tiền sự và tiền án: Không; Tạm giữ: Không; Tạm giam: Ngày 14/7/2022; Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Tháp Mười.

*** Bị hại:** Ông **Trần Văn D**, sinh năm 1959 (Đã chết);

Người đại diện theo pháp luật của ông D:

1/ Bà **Phạm Thị N**, sinh năm 1962 (Vợ ông D);

2/ Anh **Trần Quốc T**, sinh năm 1982 (Con ông D);

3/ Anh **Trần Quốc L**, sinh năm 1984 (Con ông D);

4/ Anh **Trần Quốc Đ**, sinh năm 1986 (Con ông D);

5/ Chị **Trần Thị A**, sinh năm 1988 (Con ông D);

6/ Anh **Trần Quốc G**, sinh năm 1990 (Con ông D);

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà **Bùi Thị H**, sinh năm: 1975;

Địa chỉ: Ấp 3, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Chị **Nguyễn Thị Giang K**, sinh năm: 1996;

Địa chỉ: Khóm 3, phường 6, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3/ Anh **Nguyễn Thành T**, sinh năm: 1988;

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

(Bị cáo L, bà N, chị A, anh G, chị K và anh T có mặt; Anh T, anh L, anh Đ và bà H vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo L đăng ký thường trú tại số 144/3 đường N, tổ 54, khóm 4, phường 2, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp nhưng đến ở trọ tại số nhà 99, đường P, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp cùng với bạn tên K. Bị cáo L là nhân viên tiếp thị sữa Nutifood cho nhà phân phối Chọn Tùng, có địa chỉ tại phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Mặc dù, chưa có giấy phép lái xe nhưng vào sáng ngày 20/12/2021, Bị cáo L đã tự ý lấy xe mô tô biển số 66P2-085.73, có dung tích xi lanh là 109cm³ của chị K điều khiển từ nhà trọ để đi đến huyện Tháp Mười làm công việc tiếp thị sữa. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Bị cáo L điều khiển xe mô tô biển số 66P2-085.73 đi từ hướng khóm 1, thị trấn M, huyện T qua cầu Ngân Hàng rẽ tay trái đi trên đường G hướng về xã M, huyện T mục đích để định vị các cửa hàng tạp hóa tại khu vực này. Khi Bị cáo L điều khiển xe gần đến cửa hàng tạp hóa X thì nhớ lại chưa định vị cửa hàng tạp hóa D ở ngã ba giao nhau giữa đường dẫn cầu Ngân Hàng và đường G nên Bị cáo L quay đầu xe, điều khiển đến cửa hàng D. Lúc này, Bị cáo L nhìn thấy người quen trên xe buýt Phương T chạy tuyến thành phố C - Trường Xuân đang dừng đèn đỏ nên điều khiển xe sang trái, qua vạch kẻ phân chia phần đường màu vàng, vạch liền nét, dừng xe sát với xe buýt để nói chuyện. Khi đèn xanh, xe buýt di chuyển đi về hướng xã M, huyện T thì Bị cáo L không quan sát xe đi ngược chiều, không mở đèn tín hiệu xin chuyển hướng mà bất ngờ cho xe di chuyển tiếp về phía bên trái hướng di chuyển của mình và quay đầu xe để tiếp tục đi về hướng xã M. Cùng lúc này, bị hại ông D điều khiển xe mô tô biển số 66K2-45.40 di chuyển trên đường G theo hướng thị trấn M đi xã M đến. Do Bị cáo L bất ngờ chuyển hướng xe và không có tín hiệu chuyển hướng, khoảng cách gần dẫn đến ông D không kịp xử lý nên đụng trúng vào phần phía sau bên phải xe mô tô biển số 66P2-085.73 do Bị cáo L điều khiển làm hai xe ngã xuống đường. Ông D bị thương, được Bị cáo L và người dân đưa đến cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa khu vực T, đến 15 giờ cùng ngày ông D tử vong. Sau khi đưa ông D đến bệnh viện, do nghĩ ông D không nguy hiểm đến tính mạng nên Bị cáo L tiếp tục điều khiển xe đi làm rồi về nhà trọ. Đến 23 giờ cùng ngày, Cơ quan điều tra tiến hành mời làm việc với Bị cáo L, tại Cơ quan điều tra, Bị cáo L thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Kết quả khám nghiệm hiện trường thể hiện: Hiện trường bị xáo trộn do tác động bởi môi trường tự nhiên, tổ chức đưa người bị nạn đi cấp cứu và phương

tiện có liên quan đã rời khỏi hiện trường. Hiện trường của đoạn xảy ra tai nạn là đoạn đường thẳng, tầm nhìn thông thoáng, mặt đường trải nhựa, đường hai chiều, có vạch kẻ liền nét giữa đường để phân chia phần đường. Mỗi phần đường có hai làn đường, có chiều rộng làn lượt là 3,6m, 3,5m, 3,6m và 3,9m theo chiều lưu thông từ thị trấn M đi xã M, mỗi làn đường được phân biệt bằng vạch kẻ liền nét. Lấy mép đường bên phải theo chiều lưu thông từ thị trấn M đi xã M làm lề chuẩn. Xác định vùng va chạm giữa xe mô tô biển số 66K2-45.40 và 66P2-085.73 có tâm cách lề chuẩn là 3,3m. Như vậy, kết quả điều tra chứng minh được Bị cáo L điều khiển phương tiện khi tham gia giao thông chuyển hướng xe không đảm bảo an toàn là nguyên nhân chính dẫn đến tai nạn, hậu quả làm ông D tử vong, hành vi của bị cáo đã vi phạm quy định khoản 1, 2 Điều 15 của Luật giao thông đường bộ.

Tại Kết luận giám định pháp y về tử thi số 14/TTh-TTPY ngày 04/11/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận ông Trần Văn D bị đa chấn thương bụng kín, gây vỡ gan, xuất huyết nội là nguyên nhân dẫn đến tử vong.

Kết luận giám định xác định tại thời điểm xảy ra tai nạn ông D không có nồng độ cồn trong máu. Đối với Bị cáo L, đến 23 giờ ngày 20/12/2021 Cơ quan điều tra mới tiến hành làm việc được với bị cáo nên không thể xác định được tại thời điểm xảy ra tai nạn bị cáo có nồng độ cồn trong máu hay không, theo lời khai của bị cáo thì trước khi xảy ra tai nạn, bị cáo không sử dụng rượu bia hay chất kích thích khác.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tháp Mười đã tạm giữ:

- Một xe mô tô biển số 66K2-45.40 của ông D mua của bà H nhưng chưa thực hiện việc sang tên chủ sở hữu theo quy định. Ngày 20/12/2021, trên đường đi đến UBND xã M để làm thủ tục sang tên chủ sở hữu xe mô tô biển số 66K2-45.40 thì ông D xảy ra tai nạn. Hiện xe mô tô này đã trả lại cho bà N là vợ của ông D.

- Tạm giữ một xe mô tô biển số 66P2-085.73 do chị K đứng tên giấy chứng nhận đăng ký. Hiện xe mô tô này đã trả lại cho chị K.

- Thu giữ 01 đĩa DVD chứa 02 đoạn video ghi lại hình ảnh hiện trường nơi xảy ra vụ án.

Về trách nhiệm dân sự:

Người đại diện theo pháp luật của bị hại ông D và phía gia đình của Bị cáo L đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường với số tiền là 50.000.000 đồng, hiện đã nhận tiền xong và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

* Tại Cáo trạng số 59/CT-VKSTM ngày 23/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười đã truy tố Bị cáo L về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng a khoản 2 Điều 260; Điều 38; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Bị cáo L với mức án tù 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng đề nghị tuyên như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

* Ý kiến của bà Phạm Thị N: Ông D là chồng của bà. Bà xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông D gồm: Cha và mẹ của ông D hiện nay đã chết, vợ của ông D là bà, các con tên T, L, Đ, A và G ngoài ra không còn ai khác. Đối với vụ tai nạn này bà không có chứng kiến nên không biết gì. Sau khi vụ tai nạn xảy ra thì phía gia đình bị cáo có đến thỏa thuận bồi thường cho gia đình bà với tổng số tiền là 50.000.000 đồng, hai bên đã giao nhận tiền xong và nay bà không có yêu cầu gì khác. Nay bà xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì sự việc xảy ra không ai mong muốn. Bà xin cam đoan toàn bộ lời trình bày trên là đúng sự thật nếu sai bà xin chịu trách nhiệm. Ngoài ra, bà không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

* Ý kiến của chị Trần Thị A: Ông D là cha của chị. Chị thống nhất với toàn bộ lời trình bày của bà N. Nay chị xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì sự việc xảy ra không ai mong muốn. Chị xin cam đoan toàn bộ lời trình bày trên là đúng sự thật nếu sai chị xin chịu trách nhiệm. Ngoài ra, chị không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

* Ý kiến của anh Trần Quốc G: Ông D là cha của anh. Anh thống nhất với toàn bộ lời trình bày của bà N. Nay anh xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì sự việc xảy ra không ai mong muốn. Anh xin cam đoan toàn bộ lời trình bày trên là đúng sự thật nếu sai anh xin chịu trách nhiệm. Ngoài ra, anh không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

* Ý kiến của chị Nguyễn Thị Giang K: Chị là người yêu của bị cáo, trước khi xảy ra vụ tai nạn này thì chị và bị cáo sống chung nhà trọ. Hôm xảy ra sự việc chị đang đi mua đồ tại Bách hóa xanh gần nơi trọ, do gần nên chị đi bộ để xe ở phòng trọ, chìa khóa chị để trên xe. Khi bị cáo lấy xe đi không có điện thoại hỏi chị, tự bị cáo lấy xe đi và khi đi mua đồ về không thấy xe thì chị mới nghĩ do bị cáo lấy xe chị đi. Từ khi quen bị cáo chị thấy bị cáo có xe riêng và cũng chạy xe đi hằng ngày nên chị tưởng bị cáo có giấy phép lái xe. Khi tai nạn xảy ra chị không có chứng kiến nên không biết gì. Sau khi biết bị cáo gây ra tai nạn thì chị có cùng với gia đình bị cáo đến nhà thăm hỏi và bồi thường cho gia đình bị hại với số tiền 50.000.000 đồng, số tiền này là của chị 10.000.000 đồng và còn 40.000.000 đồng của anh ruột bị cáo là anh T. Hiện nay, chị đã được nhận lại chiếc xe, chiếc xe cũng bị hư hỏng nhẹ và chị đã tự sửa xong. Nay chị không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 10.000.000 đồng và tiền sửa xe, chị đồng ý cho luôn bị cáo. Chị xin cam đoan toàn bộ lời trình bày trên là đúng sự thật nếu sai chị xin chịu trách nhiệm. Ngoài ra, chị không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

* Ý kiến của anh Nguyễn Thành T: Anh là anh ruột của bị cáo, khi tai nạn xảy ra anh không có chứng kiến nên không biết gì. Đối với số tiền 40.000.000 đồng là tài sản của anh. Nay anh không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này và đồng ý cho luôn bị cáo. Anh xin cam đoan toàn bộ lời trình bày trên là đúng sự thật nếu sai anh xin chịu trách nhiệm. Ngoài ra, anh không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

* Ý kiến của anh Trần Quốc T: Theo đơn xin xét xử vắng mặt thì anh trình bày vì lý do đi làm ăn xa không về kịp để dự phiên tòa nên xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án các cấp xét xử vụ án. Anh cam đoan những gì anh khai tại Cơ quan điều tra là đúng sự thật. Ngoài ra, anh không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

* Ý kiến của anh Trần Quốc Đ: Theo đơn xin xét xử vắng mặt thì anh trình bày vì lý do đi làm ăn xa không về kịp để dự phiên tòa nên xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án các cấp xét xử vụ án. Anh cam đoan những gì anh khai tại Cơ quan điều tra là đúng sự thật. Ngoài ra, anh không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

* Ý kiến của bà Bùi Thị H: Theo đơn xin xét xử vắng mặt thì bà trình bày vì lý do đi làm ăn xa không về kịp để dự phiên tòa nên xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án các cấp xét xử vụ án. Bà cam đoan những gì bà khai tại Cơ quan điều tra là đúng sự thật. Ngoài ra, bà không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tháp Mười, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo, người đại diện theo pháp luật của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với anh T theo danh sách yêu cầu triệu tập người tham gia tố tụng đến phiên tòa của Viện kiểm sát và quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm của Tòa án thì không có triệu tập anh T. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm anh T có đến tham dự và anh T có trình bày trong số tiền 50.000.000 đồng mà phía bị cáo đã bồi thường cho phía gia đình bị hại thì có 40.000.000 đồng là số tiền của anh, còn lại 10.000.000 đồng là của chị K. Xét thấy, đối với lời trình bày của anh T thì chị K thống nhất. Do đó, anh T là cá nhân có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

đến vụ án này. Căn cứ vào Điều 65 của Bộ luật tố tụng hình sự thì tư cách tham gia tố tụng của anh T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định đưa anh T vào tham gia tố tụng và xác định tư cách của anh T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

Ngoài ra, theo Quyết định hoãn phiên tòa thì Thư ký phiên tòa là bà Hồ Thị Mỹ Linh và Kiểm sát viên là ông Phạm Tuấn Kiệt. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay do bà Linh và ông Kiệt bận đi công tác đột xuất nên không thể tham gia phiên tòa được thay thế bằng bà Phạm Thị Thống Nhất là Thư ký phiên tòa dự khuyết và ông Nguyễn Hữu Hậu là Kiểm sát viên dự khuyết. Bị cáo, người đại diện theo pháp luật của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt thống nhất đồng ý việc thay đổi này và không có khiếu nại gì. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội được mô tả trong bản Cáo trạng số 59/CT-VKSTM ngày 23/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười là đúng với hành vi của bị cáo. Bị cáo không có giấy phép lái xe hạng A1 nhưng chính bị cáo đã trực tiếp điều khiển xe mô tô biển số 66P2-086.73 có dung tích xi lanh 109cm³, chạy trên đường G hướng từ xã M đi thị trấn M, huyện Tháp Mười vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 20/12/2021, khi đến ngã ba giao nhau giữa đường dẫn lên cầu Ngân Hàng và đường Gò Tháp, thuộc địa phận khóm 3, thị trấn M, huyện Tháp Mười thì bị cáo không quan sát, không mở đèn tín hiệu xin chuyển hướng mà bất ngờ cho xe di chuyển tiếp về phía bên trái hướng di chuyển của mình (Quay đầu xe để tiếp tục đi về hướng xã M) nên va chạm với xe mô tô biển số 66K2-45.40 do ông D đang điều khiển, lưu thông từ hướng thị trấn M đi xã M. Hậu quả làm ông D tử vong do bị đa chấn thương bụng kín, gây vỡ gan, xuất huyết nội.

[4] Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người đại diện theo pháp luật của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng, biên bản hiện trường xảy ra vụ tai nạn, biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông, kết luận giám định, cùng với các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[5] Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội khi không có giấy phép lái xe theo quy định và hậu quả gây chết người nên thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự.

[6] Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử kết luận, hành vi phạm tội của Bị cáo L đã cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự.

[7] Xét hành vi của bị cáo, khi thực hiện tội phạm, bị cáo là người đã thành niên, bị cáo nhận thức rõ việc điều khiển xe mô tô không tuân thủ đúng quy định về an toàn giao thông là vi phạm Luật giao thông đường bộ, bị cáo không có giấy phép lái xe hạng A1, điều khiển xe chuyển hướng không đảm bảo an toàn là nguyên nhân chính gây ra tai nạn. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự, an toàn giao thông đường bộ, xâm phạm đến sức khỏe,

tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tâm lý người dân khi tham gia giao thông, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Do vậy, cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo có thời gian học tập, cải tạo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội sau này.

[8] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Không.

[9] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Trong quá trình điều tra, truy tố, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Đồng thời, bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả xong cho người đại diện theo pháp luật của bị hại. Ngoài ra, người đại diện theo pháp luật của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, xét thấy bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị truy tố nhưng nằm trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật truy tố, nhằm thể hiện bản chất nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[10] *Về hình phạt bổ sung*: Đối với bị cáo nghề nghiệp hiện nay là làm thuê nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[11] *Về trách nhiệm dân sự*: Quá trình điều tra, truy tố bị cáo với người đại diện theo pháp luật của bị hại đã thỏa thuận bồi thường, khắc phục hậu quả xong. Đồng thời, người đại diện theo pháp luật của bị hại không còn yêu cầu gì thêm. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[12] *Về xử lý vật chứng*: Đối với 01 đĩa DVD chứa 02 đoạn video ghi lại hình ảnh hiện trường nơi xảy ra vụ án. Đây là vật chứng trong vụ án nên cần tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án.

[13] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[14] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[15] Đối với chiếc xe mô tô biển số 66P2-086.73 là của chị K. Thời điểm thực hiện tội phạm, chị K không có giao xe cho bị cáo mà tự bị cáo lấy xe đi nên cơ quan điều tra đã trao trả xe cho chị K và không xử lý hình sự đối với chị K là phù hợp. Đồng thời, sau khi tai nạn xảy ra chiếc xe cũng bị hư hỏng nhưng chị K không yêu cầu bị cáo bồi thường gì. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[16] Đối với số tiền đã bồi thường cho người đại diện theo pháp luật của bị hại là của chị K và anh T. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị K và anh T không yêu cầu bị cáo trả lại, thống nhất cho luôn bị cáo số tiền này. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành L phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 14/7/2022.

2/ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Đã xử lý xong nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

4/ Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD chứa 02 đoạn video ghi lại hình ảnh hiện trường nơi xảy ra vụ án.

5/ Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 21 và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo L phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6/ Bị cáo L, bà N, chị A, anh G, anh T và chị K có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với Anh T, anh L, anh Đ và bà H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

7/ Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh, Huyện;
- TAND Tỉnh;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- Nhà tạm giữ Công an Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP, (Linh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Phường

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Văn Hiến - Nguyễn Tuấn Anh

Nguyễn Minh Phường

